



CÁC PHƯƠNG THỨC GIÁO DỤC TRONG GIÁO LÝ PHẬT ĐÀ

I.- DẪN NHẬP :

Đạo Phật xuất phát từ sự sống của con người, để đáp ứng với những nguyện vọng thâm sâu nhất của con người. Và chính Đức Phật là người lượng trung cho những tình hoa đức kết nên bởi những phần oao khiết và sáng mạnh nhất của con người. Bởi lẽ Ngài là một con người nên đã hiểu con người một cách thấu triệt, để rồi đem tất cả những khám phá trên bước đường tri hành những phương thức giúp Ngài đi đến sự trực nhận giá trị và bản chất của hiện hữu để khai mở cho chúng ta, khai mở chứ không phải là hóa hiện, là tạo dựng.

II.- NỘI DUNG :

Chủ trương của Phật Giáo là giải thoát nghiệp : Chuyển đổi từ nghiệp ác qua nghiệp thiện, từ nghiệp thiện đến giải thoát. Có nghĩa là Giáo lý Phật Đà là con đường giáo dục con người dù 2 mặt nhận thức và hành động từ khi sinh ra cho đến khi chết ở cả 3 môi trường sinh hoạt : Gia đình - Học Đường và Xã hội. Với một hệ thống giáo dục xuyên suốt từ thấp lên cao, từ gần đến xa, nhưng không rời xa thực tại đã được Thế Tôn thể hiện qua các phần sau đây trong suốt 45 năm Ngài tại thế :

A.- *Niêm tin giáo dục* : Qua toàn bộ hệ thống giáo lý của thời A Hàm kéo dài trong 12 năm chính Đức Thế Tôn

đã giới thiệu cho chúng ta thấy rằng trong con người có một nguồn khả năng vô tận có thể tiếp thu nhiều kiến thức, có thể điều chỉnh mọi lệch lạc của tâm lý, vật lý, sinh lý và tư duy của tự thân. Nguồn khả năng ấy Đức Phật gọi là khả năng Giác ngộ - là Phật tính mà mọi người đều có thể vận dụng qua nỗ lực của tự thân, mà Đạo đức trong Tứ đế chính là con đường vận dụng khả năng ấy.

Và để con người có thể từng bước tiếp nhận được, Thế Tôn đã vận dụng các tinh thần giáo dục mang tính chất chủ đạo nhằm mục đích nâng cao niêm tin và tính hiệu quả cho cả 2 thành phần : đối tượng tiếp nhận và thành phần truyền đạt.

1.- *Tinh thần kế cơ* : Mỗi người đều có các điều kiện tâm sinh lý, tình cảm, trí tuệ, điều kiện sống khác nhau nên cần được đón nhận các điều kiện và phương thức giáo dục khác nhau. Do đó mà ngay từ buổi ban đầu giáo hóa, Đức Thế Tôn đã lấy hình ảnh của một hồ sen với những bông hoa, nụ hoa thấp cao đang đua nhau vượt lên khỏi mặt nước để xem như là một xã hội thu hẹp. Ngoài ra Ngài còn vận dụng rất thiện xảo phương pháp kế cơ vào cả mặt ngôn ngữ cũng cách diễn đạt và tâm lý thích ứng với đối tượng.

2.- *Tinh thần thực tiễn - thực tại* : Đức Thế Tôn dạy chúng ta phải biết chấp nhận hiện tại như là một thực thể để rồi từ đó vận dụng hiệu quả khả năng và trí tuệ của chính mình đi đến an lạc, hạnh phúc và giải thoát. Bởi lẽ hiện tại "như là một hòn đảo an toàn mà Thế Tôn chỉ cho con người nương tựa để khỏi bị rơi chìm vào trong đại dương phiền muộn của vọng tưởng và để từ đó có thể đi vào nghĩa sống, hạnh phúc mà nghìn năm nay con người đi tìm kiếm" (Phật học khái luận của TT Chơn Thiện).



3.- Tinh thần phê phán : Một tinh thần rất "Đại học và khoa học" đã làm kính ngạc các nhà nghiên cứu tôn giáo là tinh thần phê phán căn cứ vào thể nghiệm của chính tự thân Thế Tôn giữa cuộc sống này, khi Thế Tôn khuyên bảo các người Kàlama đang hoang mang nghi ngờ trước lời tuyên bố của ngoại đạo chỉ cho giáo lý của mình là đúng là số một. Ngài đã dạy : *"Này các Kàlama, đừng để dẫn dắt bởi những báo cáo, hay bởi truyền thống, hay bởi tin đồn, đừng để dẫn dắt bởi thẩm quyền kinh điển, hay bởi lý luận suông, hay bởi suy lý, hay bởi xét đoán bề ngoài, hay bởi thích thú trong những hý luận, hay bởi những điều "tuồng như" có thể xảy ra, hay bởi ý nghĩ "đây là bậc đạo sư của chúng ta"; nhưng này các Kàlama khi nào các ông tự mình biết chắc chắn rằng những việc ấy là thiện, là tốt thì hãy chấp nhận và theo chúng"* (Kinh Tư Sát - Trung bộ 1). Tinh thần phê phán luôn luôn gắn liền với thực tế rất khách quan, rất hiểu biết, không để cho nhận thức của con người chịu nô lệ dưới bất cứ hình thức và sức mạnh quyền năng nào.

4.- Tinh thần hướng dẫn : Trong hầu như toàn bộ những bài Pháp của Thế Tôn, Ngài luôn luôn xác nhận, Ngài chỉ là người chỉ đường, còn con người phải làm lấy công việc của chính mình là chọn lấy con đường để đi. Như thế chính Thế Tôn đã từng mở đường cho một nền giáo dục liên tiến hơn 25 thế kỷ qua. Và qua tinh thần giáo dục hướng dẫn rất nhân bản trung thất độ hiểu biết, với mục đích giảng dạy của Ngài là giúp người nghe tự mình nhận ra con đường và tự mình thực hiện con đường.

5.- Tinh thần khích lệ : Tinh thần hướng dẫn vốn đã là một tinh thần giáo dục đặc sắc lại được Thế Tôn vận dụng khéo léo song song với sự khích lệ tâm lý. Sự khích lệ mà con người cần như là đường kim để sống. Mọi sự khích



lệ mà Thế Tôn đã thể hiện trên toàn bộ giáo lý của Ngài và không những thế mà đến giờ phút cuối cùng của cuộc sống Thế Tôn vẫn không quên khích lệ chư Tăng : *"Các Pháp hữu vi là vô thường, hãy tinh tấn lên đừng phóng dật"*, và khích lệ vị thí giả thân quý nhất của Ngài : *"Này A Nan, chớ có sầu muộn, không bao lâu ông sẽ chứng đắc những gì chưa chứng đắc"* (Kinh Đại Bài Niết Bàn).

6.- Tinh thần tự tin, tự chủ : Trong những lời giảng Pháp Thế Tôn luôn luôn xác nhận rằng : Bằng nỗ lực của riêng mình, con người có thể giải thoát ngay trong cuộc đời này. Điều này chỉ cho con người trở về nương tựa với chính mình, là dạy cho con người trở về với tự tin, tự chủ. Cuộc đời Ngài là một sự kiện để thiết lập sự tự tin của con người. Ngoài ra Thế Tôn đã vận dụng các hình thức gián tiếp như các trường hợp Ngài tuyên bố chứng đắc chánh trí của một số đệ tử nhỏ tuổi. Đây chính là một niềm tin mà Thế Tôn dành cho Tăng chúng : *"Giác ngộ không hẳn lên hệ đến thời gian tu hành, tuổi đời hay giai cấp xã hội, ai cũng có thể đắc tuệ giác tối thượng tùy theo nỗ lực tu tập của mình"*.

7.- Tinh thần độc lập, trừ nô lệ : Giáo lý Phật Đà dạy con người đi vào giải thoát, có nghĩa là đi ra khỏi mọi trói buộc, mọi ách nô lệ, mà nô lệ lớn nhất của hiện tượng giới là nô lệ chính dục vọng của mình. Con đường Hát Chánh Đạo dẫn đến vô tham, vô sân, vô si, thoát ly mọi khổ ách, thực hiện con đường này là thực hiện từng bước tự tin - tự chủ, đào tạo nên những người làm chủ, sống ích lợi cho bản thân và xã hội, vì hạnh phúc của cá nhân và xã hội đập vỡ mọi ách trói buộc bên trong và bên ngoài.

8.- Tinh thần không chấp thủ : Thành kiến cố chấp là biểu tượng của chấp thủ, chúng ngăn cản cảm thông,



tiến bộ và giải thoát. Hạnh phúc tuyệt đối hay Niết bàn theo Thế Tôn là loại bỏ hoàn toàn chấp thủ. Hạnh phúc tương đối của con người trong hiện tại và lương lai là tiêu chuẩn và mức độ loại bỏ chấp thủ. Thực hiện tinh thần không chấp thủ không những đem lại sự an lạc cho cá nhân mà còn đem lại an lạc cho tha nhân và xã hội.

9.- Tinh thần tùy duyên bất biến : Đây là một tinh thần xử sự, hành động uyển chuyển thích nghi với hoàn cảnh sống tùy thời, tùy chỗ, tùy người, miễn là sự uyển chuyển linh hoạt ấy mang lại điều tốt đẹp cho cả mình và người. Nói khác đi hình thức và phương tiện hành động có thể uyển chuyển nhưng dụng ý và kết quả của hành động phải là thiện và đúng pháp. Thái độ sống này phải luôn luôn không rời khỏi lòng từ, lòng nhân và luôn luôn được soi sáng bởi trí tuệ hay chánh kiến.

10.- Tinh thần Lục hóa và Tự nhiếp : Chỉ đạo đời sống tập thể Thế Tôn dạy nguyên tắc Lục Hòa, về mặt lãnh đạo tập thể Thế Tôn dạy nguyên tắc Tự nhiếp.

B.-Mục tiêu giáo dục : Để khai mở những phương pháp giáo dục tối ưu, trước hết phải đặt mục tiêu giáo dục và đường hướng giáo dục mà Giáo lý Phật đã đặt trên 2 mục tiêu chính đó là : Đào tạo con người xã hội và con người chính nó.

a.- Con người xã hội : Là giáo dục con người đáp ứng được các nhu cầu xã hội như kinh tế, văn hóa, giáo dục, quốc phòng, chính trị.

Về mặt xã hội : Kinh Thiệu sinh nói lên việc xây dựng sáu mối tương giao tốt của xã hội : Tương giao giữa cha mẹ và con cái – giữa thầy và trò – giữa vợ và chồng – giữa cá nhân và bà con láng giềng, bạn bè – giữa chủ và thợ – giữa tư sĩ và cư sĩ, Kinh Tăng Chi đã cập đến 7 điều



làm cho một quốc gia cường thịnh. Kinh Pháp cú nói đến một chính phủ tốt cần thực hiện 10 điều gọi là "thập vương tử pháp".

b.- Con người chính nó : Là giáo dục con người toàn diện của vật lý, tâm lý, sinh lý, ý chí, linh cảm và trí tuệ.

Về mặt cá nhân : Thế Tôn dạy đến hạnh phúc gia đình, nhấn mạnh đến tinh thần trách nhiệm cá nhân. Vì Ngài chưa bao giờ dạy con người phải lệ thuộc Ngài hay phó thác đời mình cho bất cứ một quyền năng nào. Ngài chỉ dạy : "Người phải làm việc của người, vì Như lai chỉ dạy con đường", "Người là nơi nương tựa của chính người, không ai khác có thể là nơi nương tựa", do đó mà tinh thần này phải luôn luôn được thực hiện tốt trong mọi hệ thống giáo dục hoàn bị, vì nếu không có nó thì nhân quả của Phật Giáo không còn gì để bàn và Phật Giáo cũng không còn có lý do gì để có mặt ở đời. Học đường cũng không thể thiết lập giáo dục, luật pháp xã hội sẽ không có chỗ để thi hành và lúc đó xã hội sẽ đại loạn.

Như vậy để xây dựng một thế giới Tịnh độ ngay trên cõi đời này, phương pháp giáo dục của Giáo lý Phật đã được đặt trên cơ sở :

1.- Giáo dục con người toàn diện : Để đạt đến một nền giáo dục con người toàn diện, chúng ta cần xác định một số nội dung :

a. Trí tuệ chứ không phải kiến thức : Kiến thức chỉ là một sản phẩm của tư duy ngã tính, một phần tử của con người mà không phải là con người toàn diện. Nó không nói lên thực tại vô ngã và hạnh phúc chân thật vô ngã. Chỉ khi trí tuệ (chánh kiến và chánh tư duy) có mặt thì con người toàn diện mới có mặt. Như vậy giáo dục toàn diện là giáo



được vừa cung cấp kiến thức vừa tạo điều kiện cho trí tuệ ấy sinh khởi.

□ *Tiêu chuẩn giá trị hạnh phúc chứ không phải*

lương lý : Nếu chúng ta không thể phủ nhận mục tiêu của cuộc sống là hạnh phúc, thì tiêu chuẩn giá trị của cuộc sống phải là hạnh phúc chứ không phải là các nguyên tắc đạo đức hay kỷ luật đầy vức lè. Con người toàn diện chỉ chấp nhận và giữ lại những điểm đạo lý, kỷ luật phù hợp với lương tri về hạnh phúc ấy.

□ *Vấn đề giáo dục mỹ thuật, tình cảm, sinh lý :*

Các môn học về nhạc, họa, mỹ thuật, tình cảm, sinh lý cần phải đưa vào học đường mà trước mắt là đưa vào Gia Đình Phật Tử để dạy cho đoàn sinh theo từng lứa tuổi thích hợp. Các môn học đó phải được đánh giá cần thiết như là các môn khoa học xã hội khác. Bởi lẽ vấn đề chủ yếu của giáo dục là giúp tuổi trẻ biết nhìn và biết sống như thế nào để đem lại hạnh phúc cho mình và cho xã hội. Dĩ nhiên việc giáo dục Mỹ thuật, tình cảm, sinh lý cũng phải dựa trên nền tảng Phật giáo.

□ *Vấn đề con người với văn hóa truyền thống :*

Văn hóa truyền thống là sản phẩm của con người, vì vậy cần đặt con người và hạnh phúc của con người trước văn hóa truyền thống. Đặt con người sau văn hóa truyền thống là đặt cái cây trước con trâu. Thế Tôn đã dạy : "Đừng để dẫn dắt bởi truyền thống ..".

Chinh vai trò của nền giáo dục toàn diện là xây dựng một nền văn hóa mới toàn diện.

2.- Giáo dục đánh thức : Giáo lý Phật Đà hoàn toàn không đặt nặng kỷ ước, tin điều, cũng không đặt nặng kiến thức. Bởi mục đích nhắm đến là giúp con người đi ra khỏi sâu bi khổ, ưu, não đang đè nặng tâm tư, mặt khác giúp



con người thích ứng với hướng phát triển của xã hội. Cho nên Thế Tôn chỉ là người chỉ đường, con người có thể thực hiện giải thoát bằng nỗ lực của riêng mình, Đạo để giúp con người đánh thức tuệ giải thoát vốn sẵn có trong mình. Đạo có nghĩa là trao truyền phương pháp soi sáng tư duy để khơi dậy nguồn sáng trong mỗi người, chỉ đường, vạch mở những gì đang che mờ tâm thức.

3.- Giáo dục Thiển định : Đây là một sắc thái giáo dục đặc sắc của Phật Giáo chưa được thực sự vận dụng vào trong bất cứ một hệ thống giáo dục hiện đại nào. Phương pháp giáo dục Thiển định rất giản dị rất nhân bản nhưng đưa đến kết quả lớn, kết quả tốt :

□ *Về mặt tình cảm :* Phấn khởi, hoan hoan, hỷ lạc, an lành, buông xả và tình thương.

□ *Về Tâm lý :* Chuyển đổi từ thụ động sang tích cực, từ tham sân si chuyển qua vô tham, vô sân, vô si, từ thất niệm qua tỉnh giác.

□ *Về Cảm thọ,* về khả năng tập trung trong trạng thái tâm lý ổn định không bị vướng mắc vào tư duy, tạo điều kiện tốt chuẩn bị cho nguồn ánh sáng bùng vỡ.

4.- Giáo dục Trung đạo : Bài học lịch sử của kinh nghiệm bản thân về 6 năm ép xác khổ hạnh, rồi đi vào con đường trung đạo của Thiển định và đã đạt được sự giải thoát toàn triệt, đã đưa đến tinh thần giáo dục trung đạo : lánh xa 2 cực đoan hưởng thụ dục lạc và khổ hạnh ép xác ; lược bỏ những nỗ lực quá mức ; hóa giải những bất đồng về mặt quan điểm nhận thức về ý thức hệ để thiết lập sự đối thoại hơn là đối đầu, để làm dịu đi cái không khí hận thù hấu quy kết về một điểm chung là phụng sự cho nền hòa bình và hạnh phúc của nhân loại và của toàn thể chúng sanh.



5. **Tinh thần giảng dạy nêu thí dụ cụ thể.** Trong phương pháp giảng dạy Thế Tôn vừa ứng dụng nguyên tắc "khế cơ, khế lý, khế thời", vừa khế lệ lại vừa vận dụng các thí dụ với các hình ảnh cụ thể, quen thuộc với người nghe để soi sáng cho người nghe để hiểu điều Ngài muốn nói. Mà hình ảnh quen thuộc nhất là Thế Tôn ví giáo lý Ngài như chiếc bè qua sông, như ngón tay chỉ mặt trăng, như bánh dò chỉ đường, phương pháp giảng dạy của Thế Tôn là một phương pháp rất khoa học và rất tâm lý, khiến cho việc giảng dạy đem lại nhiều kết quả tốt.

III.- KẾT LUẬN:

Nói đến giáo lý Phật đã các nhà nghiên cứu Phật học thường xem như đó là một hệ thống tư tưởng giáo dục toàn diện và tiên tiến, và thế Tôn như là đấng giáo chủ tìm ra con đường giải thoát và chỉ rõ con đường đi cho nhân loại. Đồng thời để cập đến Ngài như là một nhà đại tư tưởng, một nhà cách mạng xã hội, một nhà giáo dục lý tưởng đã đóng góp nhiều vào nền văn học nhân loại, nếu không muốn nói Phật Giáo làm nên cái gọi là văn hóa Phật Giáo cho nhân loại.

